

GIÁO SƯ YAMAMOTO TATSURO VÀ DANH TÁC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ AN NAM^(*)

NGUYỄN TIẾN LỰC*

Giáo sư Yamamoto Tatsuro (từ đây xin viết tắt là Yamamoto) được giới nghiên cứu Nhật Bản và Việt Nam tôn vinh là bậc thầy Việt Nam học ở Nhật Bản. Ông có nhiều công trình có tiếng vang lớn như *Nghiên cứu lịch sử An Nam* (安南史研究) là một danh tác lịch sử của Đông Á và chủ biên công trình *Lịch sử quan hệ Việt Nam-Trung Quốc* (ベトナム中国関係史) là “tập đại thành lịch sử Việt Nam và quan hệ Việt-Trung, một công trình không thể thay thế của Việt Nam học”.

Bài viết giới thiệu cuộc đời và những thành tựu nghiên cứu về lịch sử Việt Nam của Yamamoto, đặc biệt, sẽ tập trung phân tích sâu những giá trị của *Nghiên cứu lịch sử An Nam*, một công trình được xếp vào hạng danh tác về lịch sử ở Đông Á.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu mà tác giả sử dụng là phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích tài liệu và phương pháp so sánh. Phương pháp lịch sử đặt nhân vật và tác phẩm vào bối cảnh lịch sử những năm 1930-1950 để phân tích, đánh giá. Phương pháp nghiên cứu tài liệu chủ yếu tập trung vào danh tác *Nghiên cứu lịch sử An Nam* của Yamamoto để giới thiệu, phân tích, nêu bật những đóng góp xuất sắc của Ông trong việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam ở Nhật Bản và Đông Á. Phương pháp so sánh để so sánh phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu lịch sử Việt Nam của Yamamoto

với các nhà nghiên cứu khác qua danh tác *Nghiên cứu lịch sử An Nam*.

1. Giáo sư Yamamoto - Bậc thầy của Việt Nam học ở Nhật Bản

1.1. Con đường trở thành nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam

Yamamoto, sinh năm 1910 ở Tokyo. Cha ông-Matsumura Shinichi là thành viên của Quý tộc viện trước chiến tranh và Tham nghị viện (Thượng viện) Nhật Bản sau chiến tranh. Ông được ông ngoại là Nam tước Yamamoto Tatsuo, Thống đốc Ngân hàng Trung ương Nhật Bản, Bộ trưởng Tài chính, Bộ trưởng Nội vụ, nhận làm con nuôi nên đổi tên thành Yamamoto Tatsuro.

Lúc nhỏ, Ông được học trong ngôi trường Tây học, dạy theo phương pháp Montessori, dành cho con em quý tộc. Năm 1923, Ông vào học Trường Trung học phổ thông Tokyo, hệ 7 năm. Năm 1927, khi 17 tuổi, đang học phổ thông, theo gợi ý của Takashima, Heiszburo, nhà tâm lý học nổi tiếng người Nhật, Yamamoto hướng sự quan tâm vào nghiên cứu lịch sử phương Đông. Được sự giới thiệu của các giáo sư, Ông được dự giờ giảng của Kato Shigeru, một trong “Ba chàng ngự lâm của lịch sử phương Đông” tại Toyo Bunko (1).

Tháng 3 năm 1930, Yamamoto tốt nghiệp trường Trung học Tokyo, theo lộ trình đã định trước đó, Ông vào Bộ môn Lịch sử

*PGS.TS. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

phương Đông thuộc Khoa Văn chương (2) của Đại học Tokyo. Đại học Hoàng gia Tokyo là một trung tâm học thuật của Trường phái Đông phương học Nhật Bản do bậc thầy phương Đông người Nhật Shiratori Kurakichi thành lập. Trong số những sinh viên cùng cấp, nhiều người sau này trở thành những chuyên gia nổi tiếng về lịch sử phương Đông, chẳng hạn như Aoki Tomitaro, chuyên gia lịch sử Mông Cổ; Suzuki Asahide, Suto Yoshiyuki và Nakajima Toshi, chuyên gia lịch sử nhà Tống; và Yoshida Kinichi, chuyên gia lịch sử nhà Thanh.

Trong suốt thời gian học đại học, Yamamoto được đào tạo có hệ thống về nghiên cứu lịch sử phương Đông. Vào thời điểm đó, chuyên ngành Lịch sử phương Đông tại Đại học Tokyo hội tụ được nhiều ngôi sao sáng, sinh hoạt học thuật rất sôi động, được đắm mình trong không khí học thuật như vậy, Yamamoto đã có được một nền tảng học thuật/tri thức vững chắc và có điều kiện để phát huy năng lực của mình trong nghiên cứu.

Năm 1933, Yamamoto tốt nghiệp chuyên ngành Lịch sử Phương Đông, Khoa Văn chương, Đại học Tokyo. Luận văn tốt nghiệp (ở Việt Nam gọi là Khóa luận tốt nghiệp) của Ông có tựa đề *Trịnh Hòa Tây chinh khảo* (鄭和西征考). Về sau theo đề nghị của GS. Wada Kiyoshi, từ nội dung của luận văn, Yamamoto viết lại thành 2 bài báo khoa học đăng trên *Đông phương học báo* số tháng 10-1933 và tháng 4-1934.

Tháng 4 cùng năm, Yamamoto vào học sau đại học của Đại học Tokyo và nghiên cứu “Hải dương sử”. Dưới sự hướng dẫn của GS. Ikeuchi Hiroshi, một bậc thầy về lịch sử phương Đông, Ông đã thực hiện và bảo vệ thành công đề tài nghiên cứu của mình là *Nghiên cứu lịch sử Biển Đông trước thời*

nhà Minh (明代以前南海史的研究). Sau đó, Ông trở thành trợ lý nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu văn hóa phương Đông thuộc Đại học Tokyo.

Từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1936, Yamamoto đã dành gần năm tháng để tiến hành điều tra nghiên cứu (phương pháp điền dã) ở nhiều địa phương có dấu ấn lịch sử của Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai, Singapore. Ở Việt Nam, Ông đã đến Hải Phòng, Hà Nội, Thanh Hóa, Huế, Sài Gòn và dành nhiều thời gian để sưu tập tư liệu, giao lưu với các học giả nghiên cứu ở Viện Viễn Đông bác cổ Hà Nội, mà Viện trưởng là Georges Coedès, một nhà Đông phương học nổi tiếng thế giới (3).

Năm 1940, Ông trở thành giảng viên Khoa Văn chương của Đại học Hoàng gia Tokyo, chủ yếu giảng dạy môn *Lịch sử các nước Đông Dương*. Với việc tuổi đời còn trẻ nhưng đã được giảng dạy chuyên đề cùng với ba giáo sư nổi tiếng về lịch sử phương Đông lúc bấy giờ, Yamamoto đã chứng tỏ được năng lực nghiên cứu của mình. Năm 1942, Ông được phong Phó Giáo sư của Khoa Văn chương, kiêm nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu văn hóa phương Đông thuộc Đại học Tokyo.

Năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, Ông tiếp tục sự nghiệp nghiên cứu và giảng dạy của mình ở Đại học Tokyo với tinh thần tự do và dân chủ mới. Năm 1947, Ông là Giáo sư và phụ trách giảng dạy lịch sử và văn hóa Đông Nam Á.

Năm 1950, Yamamoto công bố nghiên cứu của mình về Việt Nam, *Nghiên cứu lịch sử An Nam*. Công trình này được đánh giá rất cao, thu hút sự chú ý rộng rãi trong giới học thuật Nhật Bản. Năm sau, ở tuổi 41, Ông bảo vệ Tiến sĩ Văn chương (Sử học) với công trình *Công cuộc xâm lược An Nam của*

hai triều Nguyên Minh (『元明兩朝の安南政略』). Năm 1952, cuốn “Nghiên cứu lịch sử An Nam” đã được giải thưởng của Viện học sĩ Nhật Bản (tương đương như Viện Hàn lâm khoa học Nhật Bản). Ủy ban Giải thưởng đánh giá rằng: Công trình này đã làm được điều mà giới học giả Pháp, những người tiên phong trong việc nghiên cứu An Nam cũng chưa làm được”.

Năm 1967, Hiệp hội Lịch sử Đông Nam Á của Nhật Bản được thành lập, Yamamoto Tatsuro được bầu là Chủ tịch. Cùng năm, Ông được bầu làm Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Nhật Bản. Tháng 3 năm 1971, Ông nghỉ hưu và được trao bằng Giáo sư danh dự tại Đại học Tokyo.

Năm 1972, Ông trở thành Giáo sư tại Đại học Cơ đốc giáo quốc tế. Ông còn là Giáo sư thỉnh giảng của Đại học Yale, Đại học Cornell. Năm 1975, Yamamoto được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quốc tế về Triết học và Nhân văn. Cũng trong năm 1975, Ông là Chủ biên công trình *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*, tập đại thành về lịch sử Việt Nam và quan hệ Việt Nam - Trung Quốc.

Vì những công lao to lớn trong nghiên cứu khoa học và nâng cao vị thế của khoa học Nhật Bản trên thế giới, năm 1986, Yamamoto được tặng danh hiệu *Người có công về văn hóa* và năm 1998 được tặng *Huân chương Văn hóa*, vinh dự cao nhất của các nhà hoạt động khoa học, văn hóa và nghệ thuật ở Nhật Bản.

Về cuối đời, Yamamoto Tatsuro có một vinh dự đặc biệt là được coi là người đề xướng ra Niên hiệu (元号/年号) Heisei (平成) cho Nhật hoàng mới. Niên hiệu Heisei được sử dụng từ 1989 đến 2019 (4).

1.2. Sự nghiệp nghiên cứu về lịch sử Việt Nam

Yamamoto Tatsuro là một nhà phương Đông học tiêu biểu của Nhật Bản. Theo

thống kê của Hội đồng biên tập Tuyển tập kỷ niệm 70 năm ngày sinh của GS. Yamamoto, đã có gần 300 công trình, bài viết đề cập đến lịch sử, văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á, nhưng tập trung nhất và đạt nhiều thành tựu nhất vẫn là các công trình về lịch sử Việt Nam (5).

Trong số đó, đáng chú ý nhất là các công trình, bài viết: *Khảo sát lịch sử triều đại nhà Lê, Nghiên cứu Lịch sử*, 1937; *Luật hôn nhân của thời Lê ở An Nam, Đông phương học báo*, số 9, 1938; *Thư mục sách chữ Nôm và chữ Hán ở Thư viện Viện Viễn Đông bác cổ Hà Nội*, Tạp chí *Sử học*, 1938; *Thương cảng Vân Đồn của An Nam, Đông phương học báo*, 1939; *Cuộc xâm lược An Nam của Nguyên Thế Tổ*, Tạp chí *Sử học*, 1940; *Về tên các vua nhà Trần của An Nam*, Tạp chí *Sử học*, 1940; *Di tích Tây Đô An Nam*, Tạp chí *Khảo cổ học*, 1943; *Cuộc xâm lược An Nam của nhà Minh*, Thông báo nghiên cứu các học hội Nhật Bản (*Sử học*), 1943; *Nghiên cứu về quá trình hình thành nhà nước độc lập An Nam*, Kỷ yếu Viện Nghiên cứu Văn hóa phương Đông, 1943; *Việt sử lược và Đại Việt sử ký, Đông phương học báo*, 1950; *Nghiên cứu lịch sử An Nam*, Nxb. Yamakawa, 1950; *Danh mục bổ sung sách An Nam trong Thư viện Viện Viễn Đông bác cổ Hà Nội*, *Đông phương học báo*, 1953; *Thư mục sách An Nam trong Thư viện Hiệp hội châu Á ở Paris*, Kỷ yếu Viện Nghiên cứu văn hóa phương Đông, tập 5, 1954; *Diễn bạ An Nam*, Tạp chí *Sử học*, 1954; *Cơ cấu làng xã Việt Nam*, Kỷ yếu Viện nghiên cứu văn hóa phương Đông, 1956; *Quân điền và công điền thời Lê*, Tạp chí *Sử học*, 1956; *Sử liệu về Hoa kiều ở Hà Nội*, *Nghiên cứu lịch sử phương Nam*, 1959; *Gia phả ở Việt Nam*, Tuyển tập lịch sử phương Đông nhân kỷ

niệm 70 năm ngày sinh của Tiến sĩ Wada, Kodansha, 1961; *Quy định giáo hóa triều Lê*, Tạp chí *Sử học*; *Hình thái quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc - Thời nhà Trần, nhà Lê*, Báo cáo tại cuộc họp thường kỳ của Viện Hàn lâm khoa học Nhật Bản, 1971; *Tên vua triều Lê - Khảo sát về lịch sử các cuộc thương thuyết giữa Việt Nam và Trung Quốc*, Tạp chí *Sử học*, 1971; *Lịch sử quan hệ Việt Nam-Trung Quốc*, Nxb. Yamakawa, 1975; *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc - Sự thực và truyền thuyết*, Báo cáo tại cuộc họp thường kỳ của Viện Hàn lâm khoa học Nhật Bản, 1976; Tên các chương, điều trong Lê triều hình luật: *Nghiên cứu so sánh lịch sử văn hóa*, Báo cáo tại cuộc họp thường kỳ của Viện Hàn lâm khoa học Nhật Bản, 1978; *Tên các vua triều Lê: Một khía cạnh trong quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc*, *Khoa học xã hội*, 1987.

Lược qua các công trình nghiên cứu của Yamamoto, chúng ta thấy có những đặc điểm sau đây:

Một là, mặc dù Giáo sư có đề cập đến các thời kỳ khác, nhưng hầu hết các công trình của Ông đều tập trung vào hai triều đại chính trong lịch sử phong kiến Việt Nam là triều Trần và triều Lê. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn tư liệu về hai triều Trần, Lê phong phú có thể khai thác được. Tài liệu phía Việt Nam có: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lam Sơn thực lục*, *Việt sử thông giám cương mục*, tài liệu phía Trung Quốc có: *Nguyên sử*, *Minh thực lục*, *Thanh thực lục* là những bộ quốc sử quan trọng bậc nhất ở hai nước.

Hai là, mặc dầu Ông đề cập đến các lĩnh vực khác nhau của lịch sử Việt Nam như kinh tế, chính trị, luật lệ, giáo dục, thư tịch nhưng trọng tâm nghiên cứu về Việt Nam

vẫn là quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc mà cụ thể là các cuộc chiến tranh xâm lược của Trung Quốc đối với Việt Nam và các cuộc kháng chiến của Việt Nam chống Trung Quốc xâm lược vì độc lập dân tộc. Hai công trình xuất sắc nhất là *Nghiên cứu lịch sử An Nam* và *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc* đều đề cập trực tiếp đến quan hệ về quân sự và ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc.

Ba là, việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam của Yamamoto dựa trên cách tiếp cận từ trường phái Đông phương học của Nhật Bản, cụ thể hơn là của ngành lịch sử phương Đông của Đại học Tokyo. Nhưng theo tôi, Yamamoto đã vượt qua trường phái Đông phương học truyền thống do bậc thầy của mình Shiratori Kuraichi tạo lập ra, ít nhất trên 2 điểm: 1) Cũng dựa chủ yếu vào tư liệu chữ Hán để nghiên cứu về lịch sử nhưng khác với các nhà nghiên cứu trước đó, Yamamoto khi nghiên cứu quan hệ Việt-Trung thì dựa vào tư liệu chữ Hán của Việt Nam là chủ yếu; 2) Yamamoto không dừng lại việc chỉ dựa vào tư liệu chữ Hán, Ông còn chịu ảnh hưởng của trường phái Đông phương học Pháp, rất chú trọng nghiên cứu thực địa (6).

2. Về công trình *Nghiên cứu lịch sử An Nam*

2.1. Nội dung chủ yếu của *Nghiên cứu lịch sử An Nam*

Nghiên cứu lịch sử An Nam là công trình nghiên cứu đồ sộ với 767 trang khổ lớn (A4), gồm ba phần: Phần Mở đầu, Phần I và Phần II.

Phần Mở đầu, *Nghiên cứu về tên của các vua nhà Trần*, tác giả khảo sát tỉ mỉ tên gọi các vua nhà Trần. Trong phần Mở đầu, tác giả đã căn cứ vào các bộ sử của Việt Nam như *An Nam chí lược*, *Đại Việt sử ký toàn*

thư, Việt sử thông giám cương mục để đính chính lại tên gọi các vua Trần trong các bộ sử Trung Quốc như *Nguyên sử - An Nam truyện*, *Minh sử - An Nam truyện*. Yamamoto lý giải sự khác nhau đó như sau: *Một là*, cách ghi chép tên vua nhà Trần của các bộ quốc sử của Trung Quốc và Việt Nam: các bộ quốc sử Trung Quốc né tránh ghi tên hiệu của các vua mà ghi tên húy; ngược lại các bộ quốc sử Việt Nam thì né tránh ghi tên húy mà ghi tên hiệu; *Hai là*, tên của các vua Trần cũng có nhiều thay đổi. Vào thời nhà Trần, ở Trung Quốc có sự tồn tại nhà Nguyên ở phía Bắc và Trung Nguyên và nhà Nam Tống ở phía Nam Trung Quốc, tên các vua nhà Trần được ghi lại khác nhau, gây ra nhầm lẫn trong sử sách Trung Quốc; *Ba là*, các sử quan biên soạn các bộ quốc sử Trung Quốc chưa hiểu rõ chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc, cụ thể là chính sách “Nội đế ngoại vương” hay “Nội đế ngoại thân” nên khi thông báo cho các triều của Trung Quốc thì thường che giấu tên thật của vua, quan nhà Trần, khiến cho phía Trung Quốc hiểu nhầm, ghi lại nhầm lẫn (7).

Phần I: *Nghiên cứu về công cuộc xâm lược An Nam của nhà Nguyên*, gồm 6 chương. Chương 1: Công cuộc xâm lược An Nam của Ngột Lương Hợp Thai; Chương 2: Quan hệ với An Nam thời Thế Tổ; Chương 3: Thế Tổ xuất binh đánh Chiêm Thành; Chương 4: Công cuộc xâm lược An Nam 1284-1285; Chương 5: Công cuộc xâm lược An Nam năm 1287-1288 và Chương 6: Kế hoạch xâm lược An Nam về sau.

Phần I, tác giả đã trình bày chi tiết, lý giải cặn kẽ những vấn đề liên quan đến cuộc viễn chinh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mông-Nguyên và các cuộc kháng chiến của Đại Việt chống quân Mông -Nguyên dưới thời nhà Trần. Cho đến thời điểm đó, ở Nhật

Bản, Việt Nam và trên thế giới, chưa có công trình nào nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên của Việt Nam chi tiết, công phu, có tính khoa học cao như vậy. Trong phần tiểu kết, tác giả đã chỉ ra rằng các cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mông-Nguyên đối với Việt Nam nằm trong bối cảnh chung của quá trình xâm lược các quốc gia châu Á như Ấn Độ, Nhật Bản, Jawa, Sumatra (Indonesia) và Champa, qua đó mới thấy được ý nghĩa to lớn chiến thắng của Việt Nam và thất bại của đế quốc Mông-Nguyên trong thời Nguyên Thế tổ (Kubikai-Hốt Tất Liệt) (8).

Phần II: *Công cuộc xâm lược An Nam của nhà Minh* gồm có 10 chương. Chương 1: Mối quan hệ với An Nam trong thời kỳ đầu của nhà Minh; Chương 2: Phát động chiến tranh với An Nam vào năm 4 Vĩnh Lạc; Chương 3: Chinh phục cha con Hồ Quý Ly; Chương 4: Chinh phục Trần Giản Định; Chương 5: Chinh phạt Trần Quý Khoáng; Chương 6: Nhà Minh thiết lập chế độ phủ châu huyện ở Việt Nam; Chương 7: Tình hình cai trị An Nam; Chương 8: Các thế lực chống Minh nổi lên ở An Nam; Chương 9: Sự phát triển của thế lực Lê Lợi và Chương 10: Sự khôi phục nền độc lập của An Nam.

Trong phần II, tác giả tập trung làm sáng tỏ 3 vấn đề: *Một là*, mối quan hệ giữa nhà Minh với nhà Hậu Trần, quan hệ giữa nhà Hậu Trần với nhà Hồ (Quý Ly) và quan hệ giữa nhà Minh và nhà Hồ (Quý Ly) dẫn tới cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của nhà Minh; *Hai là*, chính sách cai trị của nhà Minh đối với Việt Nam và sự thất bại của nó; *Ba là*, sự phát triển của các thế lực chống nhà Minh ở Việt Nam mà mạnh nhất là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi, đánh bại quân Minh, khôi phục độc lập cho Việt Nam.

Cuối phần này, tác giả chỉ ra rằng, nhà Minh xâm lược Việt Nam, áp đặt chế độ

phủ, châu, huyện của Trung Quốc vào Việt Nam nhưng kết cục vẫn bị thất bại. Việt Nam là một dân tộc hiểm hoi ở phương Đông đã giành thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống lại các cuộc chiến tranh xâm lược từ Trung Quốc như Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh. Nguyên nhân quan trọng nhất, tất nhiên, là sức mạnh tổng hợp của nhân dân Việt Nam (9).

2.2. Giá trị của danh tác Nghiên cứu lịch sử An Nam

Danh tác *Nghiên cứu lịch sử An Nam* ngay từ khi xuất bản (1950) đã được giới nghiên cứu Nhật Bản và quốc tế đánh giá rất cao. Vì vậy, năm 1952, công trình này đã được giải thưởng của Viện học sĩ Nhật Bản (tương đương như Viện Hàn lâm khoa học Nhật Bản). Mặc dù cuốn sách có tên là *Nghiên cứu lịch sử An Nam*, nhưng nội dung chính của nó chủ yếu đề cập đến lịch sử quan hệ Việt - Trung. Bất kỳ ai muốn nghiên cứu sâu về lịch sử cổ trung đại Việt Nam, về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đều cần thiết phải đọc danh tác này. Vậy, giá trị của *Nghiên cứu lịch sử An Nam* cũng như công tích của Yamamoto trong danh tác này được biểu hiện ở những điểm chính nào?

Một là, đây là công trình đầu tiên nghiên cứu về quan hệ Việt-Trung được biên soạn một cách công phu dựa trên cả hai nguồn tư liệu của Việt Nam và Trung Quốc. Như trên đã chỉ ra, khi biên soạn công trình *Nghiên cứu lịch sử An Nam*, Yamamoto đã dựa trên nguồn tư liệu Hán văn của Việt Nam như: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lam Sơn thực lục*, *Việt sử thông giám cương mục* và các bộ sử của Trung Quốc như *Nguyên sử*, *Minh sử*, *Minh thực lục*. Đây là “công trình tiêu biểu nhất” nghiên cứu lịch sử Việt Nam dựa vào tư liệu Hán văn ở Nhật Bản (10). Các bộ sách sử của Trung Quốc đứng trên lập trường của “chủ

nghĩa Đại Trung Hoa” khi viết về các mối quan hệ với các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam. Còn các bộ sách sử của Việt Nam biên soạn dựa trên tư tưởng “Nam quốc” và tư tưởng “Nội đế ngoại vương” hay “Nội đế ngoại thân” (11) trong quan hệ với Trung Quốc. Vì thế, rất nhiều sự kiện về quan hệ Việt-Trung được viết theo quan điểm lịch sử của mỗi nước. Yamamoto dựa trên cả hai nguồn tư liệu ấy, coi trọng tư liệu của Việt Nam, phân tích, so sánh tìm ra cách lý giải sự kiện một cách hợp lý, logic và khách quan nhất.

Hai là, đây là công trình đầu tiên khảo sát một cách tỉ mỉ, đính chính những sai sót của các bộ sử trước đây về địa danh lịch sử liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh của Việt Nam. Trong các bộ sử trước đây, có khá nhiều ghi chép về các đơn vị hành chính và địa danh không kiểm chứng được. Yamamoto đã nghiên cứu văn bản chi tiết về tên núi, sông và các đơn vị hành chính và xác định lại các địa danh lịch sử. Ví dụ, trong Phần II, Chương 6, Yamamoto đã khảo sát ghi chép trong *Minh sử - An Nam truyện*, *Minh thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí*, *An Nam chí nguyên*, *Hoàng Dư khảo*, *Việt Kiều thư* và các tài liệu địa lý lịch sử khác, để xác định lại các đơn vị hành chính của 15 phủ, 46 châu, 79 huyện do nhà Minh thành lập trong khoảng 20 năm cai trị Việt Nam (12).

Ba là, công trình đã lý giải sâu sắc nhiều vấn đề trong quan hệ Việt-Trung thời Trần, Lê. Mục đích chủ yếu khi biên soạn *Nghiên cứu lịch sử An Nam* của Yamamoto là khôi phục và tái hiện quá trình lịch sử xâm lược Việt Nam của nhà Nguyên và nhà Minh. Ông đã dựa trên các tư liệu lịch sử bằng chữ Hán của Việt Nam

và Trung Quốc, khảo sát một cách tỉ mỉ về thời gian, địa điểm, các tướng lĩnh, các trận quyết chiến chiến lược, những trở ngại địa lý, thời tiết và khí hậu, các hướng tiến quân và rút lui của quân đội hai bên. Ông đã khôi phục, chỉnh lý một cách chi tiết của cuộc chiến, sửa chữa những sai sót được ghi lại trong dữ liệu lịch sử. Hơn nữa, còn phân tích, giải thích các sự kiện đã được quyết định như thế nào và nguyên nhân và kết quả của nó.

Ví dụ, Ông đã phân tích và giải thích rất hay vì sao Vương Thông phải rút quân khỏi Việt Nam trước khi Huyền Tông ban lệnh rút quân; hoặc tại sao nhà Nguyên không phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ tư; vì sao nhà Minh áp đặt chế độ quận huyện trong 20 năm thống trị Việt Nam mà cuối cùng vẫn chuốc lấy thất bại.

Bốn là, phương pháp tiếp cận của Yamamoto trong *Nghiên cứu lịch sử An Nam* vẫn chủ yếu là “Đông phương học” truyền thống của Nhật Bản, nghĩa là dựa trên tư liệu Hán văn (dù là tư liệu của Việt Nam hay Trung Quốc). Tuy nhiên, trong công trình này, Yamamoto đã vượt lên “Đông phương học” truyền thống, sử dụng cách tiếp cận Khu vực học để nghiên cứu. Công trình của Ông là kết quả của những chuyến đi khảo sát thực địa, xác định chính xác các yếu tố địa lý và địa danh thực ở Việt Nam vào những năm 1930. Hơn nữa, khi phân tích, giải thích các sự kiện lịch sử trong quan hệ Việt Nam-Trung Quốc, Yamamoto thường đặt nó trong bối cảnh Đông Á nói chung để xem xét. Có thể khẳng định rằng: Yamamoto đã vượt qua phương pháp “Đông phương học” truyền thống, tiếp cận với phương pháp Khu vực học, nói cách khác Ông là nhà “Đông phương học” mới, như đã nói ở trên.

Tuy vậy, *Nghiên cứu lịch sử An Nam* vẫn vấp phải những hạn chế do thời đại của nó quy định. Ví dụ, mặc dầu, sách được xuất bản năm 1950, khi mà cái tên “Việt Nam” đã được sử dụng phổ biến trên thế giới, vậy mà trong công trình của mình, Yamamoto vẫn sử dụng tên “An Nam”, là tên chỉ Việt Nam mà giới Đông phương học Nhật Bản vẫn hay dùng. Hơn nữa, Ông không chỉ rõ hành động của Mông-Nguyên hay nhà Minh ở Việt Nam là hành động xâm lược mà trong tác phẩm của mình Yamamoto vẫn dùng từ “chinh phạt”. Tuy nhiên, đây chỉ là cách dùng truyền thống của Đông phương học Nhật Bản mà bản thân Ông cũng khó vượt qua.

Tóm lại, công trình đồ sộ *Nghiên cứu lịch sử An Nam* của Yamamoto Tatsuro có thể coi là một công trình nghiên cứu về lịch sử nhà Trần, nhà Lê (của Việt Nam) cũng như nhà Nguyên và nhà Minh (của Trung Quốc) và lịch sử quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trong thời kỳ đó. Trong công trình này, Yamamoto đã khảo sát rất công phu các tư liệu, đối chiếu, so sánh những điểm khác nhau, những mâu thuẫn, thậm chí là những điểm còn khó hiểu trong sử liệu của Việt Nam và Trung Quốc về tên người, tên đất, về niên đại và sự kiện. Việc tiếp cận kết hợp giữa trường phái Đông phương học và Khu vực học đã nâng tầm giá trị của danh tác sử học này. Giới học giả và đồng nghiệp đương thời và cả ngày nay vô cùng kinh ngạc và khâm phục.

3. Thay lời kết luận

Ở Nhật Bản có nhiều nhà Việt Nam học tiêu biểu đã được giới thiệu. Như Matsumoto Nobuhiro, Sakurai Yumio, Furuta Motoo nhưng chưa có ai giữ một vị trí đặc biệt như GS. Yamamoto Tatsuro. Giáo sư Phan Huy Lê đánh giá: “GS. Yamamoto Tatsuro là một nhà sử học lớn, một nhà Đông phương học,

một chuyên gia lỗi lạc về Đông Nam Á và Việt Nam”; “GS. Yamamoto Tatsuro là một nhà Việt Nam học khai sáng, là bậc thầy của nhiều nhà Việt Nam học Nhật Bản và trên thế giới” (13).

Danh tác *Nghiên cứu lịch sử An Nam* của Yamamoto là công trình nghiên cứu đồ sộ về quy mô, phong phú về nội dung, sâu sắc về học thuật và cách tiếp cận mới về phương pháp. Cho đến những năm 1950, chưa có công trình nào về lịch sử Việt Nam ở Nhật Bản có độ thâm, sâu như thế. Đến nay, *Nghiên cứu lịch sử An Nam* vẫn được các đồng nghiệp và học trò Nhật Bản khâm phục mà cả những nhà nghiên cứu Trung

Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Việt Nam đánh giá rất cao.

Hiện nay, mặc dù điều kiện để khảo sát, nghiên cứu đã tốt hơn rất nhiều và các phương pháp tiếp cận mới ra đời, các nhà khoa học tiên phong có thể đứng trên vai của những người đi trước và đã công bố nhiều công trình nghiên cứu về Việt Nam xuất sắc, nhưng *Nghiên cứu lịch sử An Nam* là một công trình nghiên cứu hàng đầu (nhất lưu), thuộc vào hàng danh tác Đông phương học, cho thấy tầm học thuật của GS. Yamamoto Tatsuro vừa sâu sắc, vừa rộng lớn, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong giới nghiên cứu không chỉ ở Nhật Bản, Việt Nam mà cả Đông Á.

CHÚ THÍCH

(*). Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số B2024-18b-01.

(1). Toyo Bunko là tập đoàn văn khố và nghiên cứu về Đông phương học ở Nhật Bản, lưu trữ nhiều tài liệu quý hiếm và rất có uy tín về học thuật.

(2). Trong tiếng Nhật là Bungakubu, tương đương với các ngành Nhân văn trong khối Khoa học Xã hội và Nhân văn ở Việt Nam.

(3). Yamamoto đã có hai bài viết giới thiệu về cuốn *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông* của Georges Coedès và thành tựu nghiên cứu của ông.

(4). Khi Giáo sư còn sống, chưa một lần Giáo sư công khai xác nhận điều đó và Chính phủ Nhật Bản cũng không công bố chính thức điều đó. Sau khi Giáo sư mất, thông tin này được công bố công khai trên các phương tiện thông tin, các ấn phẩm xuất bản. Theo <https://www.nikkei.com/article/dang-ngay-22-1-2017>.

(5). Hội đồng biên tập Tuyển tập kỷ niệm 70 năm này sinh của Tiến sĩ Yamamoto Tatsuro, *Văn hóa Xã hội Đông Nam Á - Ấn Độ*, Yamakawa Shuppansha, 1980, tr. 35-51.

(6). Nguyễn Tiến Lực, *Nghiên cứu lịch sử và văn học Việt Nam ở Nhật Bản*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Những vấn đề giảng dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam trong thế giới ngày nay*. Nxb. Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh, 2019, tr. 185.

(7). Yamamoto Tatsuro, *Nghiên cứu lịch sử An Nam*. Yamakawa Shuppansha, 1950, tr. 37.

(8), (9), (12). Yamamoto Tatsuro, *Nghiên cứu lịch sử An Nam*, sdd, tr. 266-267, 759-760, 579-590.

(10). Shimaō Minoru, *Nhìn lại việc nghiên cứu Việt Nam tại Nhật Bản*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Quan hệ văn hóa, giáo dục Việt Nam - Nhật Bản và 100 năm phong trào Đông du*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, tr.236.

(11). Trong quan hệ với các đế chế Trung Hoa, các vua Việt Nam thường xưng Vương (Ngoại Vương) nhưng ở trong nước, các vua Việt Nam tự xưng là Hoàng đế (Nội Đế). Đây là tư tưởng tự tôn, tự cường và ngoại giao linh hoạt của các triều đại phong kiến Việt Nam.

(13). Phan Huy Lê, *Vô cùng thương tiếc Giáo sư Viện sĩ Yamamoto Tatsuro*, Tạp chí *Xưa và Nay*. số 87, 2001, tr.14.